

Số: 201/2021/QĐST-VDS

Quận 7, ngày 14 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

Thành phần những người tiến hành tố tụng gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Loan.
- Thư ký phiên họp: Ông Võ Ngọc Đức, Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X – Thành phố H tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm Sát Viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 352/2020/TLST- VDS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 119/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn E, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H.
- Đối với: Ông Trần K, sinh năm 1981.
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Ông Trần Ng, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H.
- 2/ Bà Huỳnh K, sinh năm 1933.
Địa chỉ: Số 25/2 Khu phố 2, T, Quận X, Thành phố H.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, lời trình bày và xác nhận của các đương sự;

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 27 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự,

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự - bà Nguyễn E trình bày:

Bà và ông Trần M N là vợ chồng. Trong quá trình chung sống có 4 người con gồm:

- Trần K, sinh ngày 25/01/1981(bỏ nhà đi từ năm 2008);
- Trần Xuân Khoa, sinh ngày 06/7/1983 (chết 26/4/2019);
- Trần Nghi, sinh ngày 07/6/1985 (chết 02/9/2006);
- Trần Ng, sinh ngày 11/6/1992.

Ông Trần M N có mẹ là bà Huỳnh K, sinh năm 1933 (còn sống) và có cha là ông Trần Văn Ngừa, sinh năm 1928 (đã chết 13/7/2014).

Ông Trần M N, sinh ngày 05/01/1957 đã chết 01/8/2020. Khi còn sống ông Trần M N có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Nay để rút được tiền tại ngân hàng, bà phải làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với người con là Trần K.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau: yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần K mất tích.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Ng trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của mẹ ông-bà Nguyễn E về các mối quan hệ trong gia đình. Ông Trần Ng đồng ý đối với yêu cầu của mẹ ông-bà Nguyễn E về việc yêu cầu tuyên bố anh của ông là ông Trần K mất tích.

- Bà Huỳnh K trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn E về các mối quan hệ trong gia đình. Bà xác nhận cháu nội của bà là ông Trần K đã bỏ nhà đi từ năm 2008, không có tung tích gì. Bà không có ý kiến, không có yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn E về việc yêu cầu tuyên bố ông Trần K mất tích và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận X, Thành phố H:

Căn cứ theo khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X đề nghị Tòa án nhân dân Quận X chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn E tuyên bố ông Trần K mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 7 nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

[1.1] Bà Nguyễn E yêu cầu “Tuyên bố ông Trần K mất tích” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Ông Trần K có nơi cư trú cuối cùng tại số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

[1.2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự - bà Nguyễn E có đơn xin giải quyết vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Trần Ng, bà Huỳnh K cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn E yêu cầu “Tuyên bố ông Trần K mất tích”, xét thấy:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005 ngày 19 tháng 01 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân phường P, Quận X, Thành phố H cấp thì bà Nguyễn E và ông Trần M N là vợ chồng; Và căn cứ Giấy khai sinh số 26 quyển số 01 ngày 31 tháng 4 năm 1981 do Ủy ban Nhân dân xã PM, huyện B, Thành phố H cấp thì ông Trần K là con chung của bà Nguyễn E và ông Trần M N. Do đó, bà Nguyễn E có quyền yêu cầu tuyên bố ông Trần K mất tích.

[2.2] Đơn yêu cầu, lời khai của các đương sự tại các Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đều xác nhận: ông Trần K đã bỏ nhà đi từ năm 2008, không có tung tích gì.

[2.3] Căn cứ vào sổ hộ khẩu số 31200036520 (trang 3) và Kết quả xác minh của công an phường P, Quận X xác nhận “Đ/s Trần K, SN 1981 có hộ khẩu thường trú tại 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H nhưng đã bỏ nhà đi từ năm 2008 đến nay đi đâu không rõ” còn cư ngụ tại địa phương từ năm 2008 chuyển đi đâu không rõ”. Điều này cho thấy ông Trần K có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H nhưng đã không có tin tức gì năm 2008 đến nay và địa phương cũng không quản lý, không rõ ông Trần K ở đâu.

[2.4] Theo Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 04/2020/QĐ-TA ngày 04 tháng 11 năm 2020 thì bà Nguyễn E đã tiến hành đăng tin tìm kiếm ông Trần K trên các phương tiện thông tin đại chúng vào tháng 12 năm 2020, như: Báo Công Lý (trong 03 kỳ liên tiếp ngày 08, 11, 15 tháng 12 năm 2020) và Đài truyền hình Việt Nam khu vực Nam Bộ (phát 03 lần trong các ngày liên tiếp từ ngày 07, 08, 09 tháng 12 năm 2020 trên kênh VTV9) nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Trần K.

Từ các căn cứ trên, có thể khẳng định rằng ông Trần K đã biệt tích 02 năm liền trở lên. Căn cứ khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn E về việc tuyên bố ông Trần K mất tích để bà tiến hành làm thủ tục rút được tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nghĩ nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự : Bà Nguyễn E không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 363, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn E về việc việc tuyên bố một người mất tích.

Tuyên bố: Ông Trần K, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1981 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 162 đường G, phường T, Quận X, Thành phố H mất tích kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Trần K mất tích có hiệu lực pháp luật thì các quan hệ về hôn nhân gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông Trần K được giải quyết như đối với một người mất tích.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn E không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo :

Bà Nguyễn E, ông Trần Ng, bà Huỳnh K vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Q.X; (1)
 - Thi hành án dân sự Q.X; (2)
 - Mỗi đương sự; (1)
 - Lưu, hồ sơ. (1)
- (2)

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Phương Loan